

Số: 22 /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 05 tháng 7 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024  
thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương,  
kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc  
hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ,  
điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn  
2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của  
các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của  
Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ  
vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần  
Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND  
ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên  
tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai  
đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;*

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương chưa phân bổ;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương, gồm: Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2023; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 07 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 2), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 và cho ý kiến về điều chỉnh phương án phân bổ vốn Ngân sách Trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 3), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024;

*Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 các nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: Giao 2.610 triệu đồng cho 07 dự án/đồ án quy hoạch.

2. Vốn thực hiện dự án:

- Điều chỉnh giảm 81.413 triệu đồng của 14 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.

- Bổ sung 78.803 triệu đồng cho 13 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.

*(Chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm)*

**Điều 2.** Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024 của 14 dự án với số vốn là 2.204 triệu đồng. Thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị không vượt số vốn được nêu tại Phụ lục III đính kèm.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục đầu tư các dự án đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật trình Hội đồng nhân dân thành phố giao hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT,HD,250.

**CHỦ TỊCH****Phạm Văn Hiểu**



Phụ lục I

**DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÓ THỜI GIAN THỰC HIỆN VƯỢT QUÁ THỜI GIAN QUY ĐỊNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục chủ đầu tư/ dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	
	Tổng số						603.584	2.056.067	710.630	40.453
A	Dự án do thành phố bố trí vốn						433.183	1.893.773	548.336	18.181
I	Sở Tài nguyên và Môi trường						141.697	107.900	107.900	5.072
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	B	Thới Lai	2020-2024	2148/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 111/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	81.966	81.966	65.800	65.800	2.794
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt	B	Thốt Nốt	2020-2024	2627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 112/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	94.192	94.192	42.100	42.100	2.278
II	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố					1.594.202	248.776	1.434.025	88.588	1.429
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn I từ QL91B đến Cờ Đỏ)	B	Bình Thủy - Ô Môn - Thới Lai - Cờ Đỏ	2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.494.917	149.491	1.347.037	1.600	321

TT	Danh mục chủ đầu tư/ dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch năm 2024
						TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	
2	Cầu Rạch Nhum và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ	B	Quận Ô Môn, huyện Thới Lai	2016 - 2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99.285	99.285	5.961	86.988	86.988	1.108	
III	UBND quận Bình Thủy					104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933	
1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	Bình Thủy	2019-2023	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933	
IV	UBND huyện Phong Điền					292.145	292.145	211.928	254.825	254.825	10.747	
1	Khu tái định cư Phong Điền	B	Phong Điền	2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	1.576	
2	Đường GTNT Vàm Xăng - Ba Láng	C	Phong Điền	2022-2023	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; 1667/QĐ-UBND ngày 3/6/2022	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	9.171	
B	Dự án do quận, huyện bố trí vốn					212.954	212.954	170.401	162.294	162.294	22.272	
I	UBND huyện Vĩnh Thạnh					212.954	212.954	170.401	162.294	162.294	22.272	
1	Trường Tiểu học Vĩnh Trinh 2 (giai đoạn 2) - Diên Vĩnh Phụng	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1905/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	20.482	20.482	18.491	17.989	17.989	381	
2	Trường tiểu học thị trấn Thanh An 3	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7400/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	23.499	23.499	22.548	20.911	20.911	1.195	
3	Đường Thầy Kỳ (bờ trái)	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7544/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	14.474	14.474	14.195	13.945	13.945	150	
4	Nâng cấp mở rộng Đường kênh C1 (phía C giáp B) thị trấn Thanh An - xã Thanh Lợi	C	Vĩnh Thạnh	2022-2023	8496/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	59.676	59.676	51.930	33.313	33.313	18.575	
5	Kè, mở rộng đường kênh Bón Tổng thị trấn Vĩnh Thạnh	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1318/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	29.706	29.706	27.510	26.187	26.187	1.000	

TT	Danh mục chủ đầu tư/ dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	
6	Trung tâm văn hóa xã Thanh Thám	C	Vĩnh Thành	2021-2023	7545/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; 2651/QĐ-UBND ngày 5/7/2022	10.967	10.967	9.690	9.690	9.690	300
7	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường Mầm non Vĩnh Bình	C	Vĩnh Thành	2021-2023	7959A/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.732	1.732	1.510	1.407	1.407	81
8	Mở rộng, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Thanh An 1 (điểm áp Phụng Quới A)	C	Vĩnh Thành	2021-2023	1916/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	14.348	14.348	19.527	19.240	19.240	345
9	Đường kênh E (đoạn 1,6km từ ngã ba xã Thanh Lợi đến ranh An Giang)	C	Vĩnh Thành	2020-2021	số 3381/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	38.070	38.070	5.000	19.612	19.612	245

Phụ lục II

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh muc chu dau tu dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)			Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách địa phương	
																	Cân đối NSDP	Sử dụng đất
	Tổng số						3.677.395	2.231.969	1.776.339	2.917.213	1.468.776	278.239	0	0	0	278.239		
A	Vốn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư						6.164	6.164	6.079	0	0	2.610	0	0	0	2.610		
I	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố						159	159	100	0	0	100	0	0	0	100		
	Sửa chữa hồ bơi huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ		Cái Răng				159	159	100			100				100		
II	Sở Tài nguyên và Môi trường						146	146	120	0	0	120	0	0	0	120		
	Sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường		Ninh Kiều				146	146	120			120				120		
III	Sở Khoa học và Công nghệ						337	337	337	0	0	337	0	0	0	337		
	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Vườn ươm Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ		Ô Môn				337	337	337			337				337		
IV	Sở Xây dựng						5.522	5.522	5.522	0	0	2.053	0	0	0	2.053		
1	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		TP. Cần Thơ				475	475	475			475				475		
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn		Ô Môn				2.022	2.022	2.022			710				710		
3	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 1 tại quận Bình Thủy)		Bình Thủy				1.107	1.107	1.107			316				316		
4	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại huyện Cờ Đỏ)		Cờ Đỏ				1.918	1.918	1.918			552				552		
B	Vốn thực hiện dự án						3.671.231	2.225.805	1.770.260	2.917.213	1.468.776	278.239	-2.610	0	0	275.629		
I	Sở Tài nguyên và Môi trường						176.158	176.158	141.697	107.900	107.900	0	5.072	1.600	0	5.072		
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	B	7625302	Thới Lai		2020-2024	81.966	81.966	81.000	63.800	63.800	2.794	1.194	1.600		2.794		



TT	Danh mục chi đầu tư/dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thốn gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế toán đã bù trừ đến hết năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)						
								TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương			Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	
																Cán địa NSDP	Sử dụng đất	XSKT		
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thủ Đức	B	7625303	Thủ Đức		2020-2024	2627/QĐ-LUBND 30/10/2019 117/QĐ-LUBND 21/01/2024	94.192	94.192	60.697	42.100	42.100		2.278	2.278				2.278	
II	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn																			
1	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh	B	7835023	Vĩnh Thạnh		2021-2024	3076/QĐ-LUBND 30/12/2020	476.647	476.647	456.000	428.698	428.698	6.376	-5.584	0	0	-5.584		792	
2	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền	B	7835024	Phong Điền		2021-2024	3075/QĐ-LUBND 30/12/2020	119.801	119.801	114.000	108.924	108.924	185	-37			-37		148	
3	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thuận Lai	B	7835025	Thuận Lai		2021-2024	3078/QĐ-LUBND 30/12/2020; 3473/QĐ-LUBND 20/9/2022	117.181	117.181	114.000	107.424	107.424	267	-40			-40		227	
4	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cư Đò	B	7835026	Cư Đò		2021-2024	3077/QĐ-LUBND 30/12/2020	119.968	119.968	114.000	109.425	109.425	331	-48			-48		283	
III	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố																			
1	Dương túnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ QL91B đến Cư Đò)	B	7579491	Biển Thủy - O Môn - Thuận Lai - Cư Đò		2019-2024	1391/QĐ-LUBND 19/6/2017 và 1343/QĐ-LUBND 25/6/2019; 1087/QĐ-LUBND 21/5/2021; 612/QĐ-LUBND 10/2/2022 1081/QĐ-LUBND 16/5/2024	1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600		321				321	321	
2	Cầu Rạch Nhôm và cầu Rạch Tra thuộc Dương túnh 922, thành phố Cần Thơ	B	7564436	Quận Ô Môn, huyện Thới Lai		2016 - 2020	2786/QĐ-LUBND 06/9/2016	99.285	99.285	5.961	86.988	86.988		1.108			1.108	1.108		
3	Cầu, tuyến đường vào cầu từ Khu TĐC Trương Đại học Y Dược Cần Thơ đến Khu đô thị TĐC Cầm Long	C	7545439	Quận Ninh Kiều, Bình Thủy		2016 - 2023	880/QĐ-LUBND 31/03/2016	25.745	25.745	9.286	16.496	16.496	1.000	-1.000			-1.000	0		
4	Dương Thăng Lợi 1 (Đoạn trái - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thanh Lạc đến Sầu Bông), xã Thanh Lạc, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	C	7604915	Huyện Vĩnh Thạnh		2018-2024	2858/QĐ-LUBND 30/10/2017	62.728	62.728	52.769	3.000		3.000	-3.000			-3.000	0		
5	Đường Vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường LA Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, giai đoạn 1, đoạn từ nút giao đường V8 Văn Kiệt đến Km1+675	B	7619462	Quận Ô Môn, Q. Bình Thủy, H. Phong Điền		2017-2024	2863/QĐ-LUBND 30/10/2017	137.185	37.185	11.835	125.350	25.350	4.000	-4.000			-4.000	0		
6	Cầu Kiên Giang (theo đường Tỉnh 922)	C	7863971	Huyện Cư Đò		2021-2024	1351/QĐ-LUBND 28/6/2021	137.372	137.372	137.161	40.310	40.310	90.000	-28.027			-28.027	61.973		
7	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc tại số 01, đường Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	C	7888992	Quận Ninh Kiều		2023-2025	1360/QĐ-LUBND 07/7/2023	32.293	32.293	32.083	900	900	26.000	-12.500			-12.500	13.500		
IV	Sơ Lào đặng, thương binh và XA BHL																			
	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở Cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	C	7879529	TP.Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang		2022-2024	435/QĐ-LUBND 31/12/2021	18.004	18.004	17.508	13.180	13.180	4.328	-1.000			-1.000	3.328		

TT	Danh mục chủ đầu tư/dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giam)			Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Cán đối NSDP	Số dụng đất XSKT			
															Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
V	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Cần Thơ							9.132	9.132	7.990	7.990	1.095	-439	0	0	-439	656
	Cải tạo môi trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	C	7920633	Ninh Kiều		2022-2024		9.132	9.132	7.990	7.990	1.095	-439			-439	656
VI	Sở Giao thông vận tải							384.673	384.673	320.953	320.953	27.293	36.422	6.481	0	29.941	63.715
1	Dự án cầu Tây Đô, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	B	7861307	Phong Điền		2021-2024		225.075	225.075	200.723	200.723	7.322	17.030			17.030	24.352
2	Dự án cầu Cờ Đỏ trên đường Tỉnh 919, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	B	7861308	Cờ Đỏ		2021-2024		132.991	132.991	107.550	107.550	12.661	12.780			12.780	25.441
3	Dự án Xây dựng trụ sở làm việc của Trung tâm Quản lý giao thông đô thị trực thuộc Sở Giao thông vận tải	C	7864599	Bình Thủy		2022-2024		26.607	26.607	12.680	12.680	7.310	6.612	6.481		131	13.922
VII	Sở Khoa học và Công nghệ							35.375	35.375	14.950	14.950	18.179	-1.663	-43	-1.600	0	16.516
1	Bảo trì và nâng cấp thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ	C	7884145	Ninh Kiều		2022-2024		5.399	5.399	5.220	5.220	179	-43				116
2	Sau giao dịch công nghệ	C	7884144	Phong Điền		2022-2024		29.976	29.976	9.730	9.730	18.000	-1.600			-1.600	16.400
VIII	Sở Giáo dục và Đào tạo							184.975	184.975	51.613	51.613	92.626	0	0	0	0	92.626
1	Trường THPT Chuyên Lý Tự Trọng	B	7861066	Cái Răng		2022-2024		79.992	79.992	21.360	21.360	48.023	-24.200			-24.200	23.823
2	Trường THCS và THPT Tân Lộc	C	7861067	Thốt Nốt		2022-2024		39.995	39.995	11.907	11.907	18.681	7.900			7.900	26.581
3	Trường phổ thông Dân tộc nội trú	C	7861068	Ó Môn		2022-2024		24.989	24.989	6.539	6.539	9.141	7.300			7.300	16.441
4	Trường THCS và THPT Thới Thuận	C	7861065	Thốt Nốt		2022-2024		39.999	39.999	11.807	11.807	16.781	9.000			9.000	25.781
IX	UBND quận Bình Thủy							104.597	104.597	97.023	97.023	0	933	0	0	933	933
	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	7783948	Bình Thủy		2019-2023		104.597	104.597	97.023	97.023		933			933	933
X	UBND huyện Phong Điền							292.145	292.145	254.825	254.825	4.342	10.747	0	0	10.747	15.089
1	Khu tái định cư Phong Điền	B	7781681	Phong Điền		2021-2023		171.662	171.662	158.161	158.161		1.576			1.576	1.576
2	Đường GTNT Vàm Xăng - Ba Láng	C	7781680	Phong Điền		2022-2023		120.483	120.483	96.664	96.664	4.342	9.171			9.171	13.313

Phụ lục III

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán CBĐT			Kế hoạch năm 2023	Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			
	<b>TỔNG SỐ</b>									
<b>B</b>	<b>Dự án do quận, huyện quản lý</b>									
<b>I</b>	<b>UBND quận Ô Môn</b>									
1	Nâng cấp các tuyến đường Trần Ngọc Hoàng	P. Long Hưng	C	2022-2024	3999/QĐ-UBND, ngày 20/7/2022	11.458	11.458	10.000	9.358	641
2	Tuyến đường kênh Nhà Lầu	P. Long Hưng	C	2021-2023	6296/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	6.210	6.210	1.324	1.237	86
3	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Thùy lợi giáp khu vực Bình An	P. Phước Thới	C	2021-2023	10536/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.675	14.675	1.507	1.410	96
4	Tuyến đường liên khu vực phường Thới An	P. Thới An	C	2021-2023	10537/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.980	14.980	518	294	223
5	Tuyến đường từ cầu Rạch Sung giáp phường Thới An	P. Thới Long	C	2021-2023	10538/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	10.855	10.855	2.301	2.243	58

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán CBDT				Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư
					TMĐT		Kế hoạch năm 2023	Số vốn đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
6	Nâng cấp tuyến đường Ba Se - Ngã Cây	P. Trường Lạc	C	2021-2023	10539/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	13.653	13.653	786	668	118
7	Tuyến đường rạch Kinh Đình	P. Trường Lạc	C	2021-2023	10540/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	11.151	11.151	303	150	153
8	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thới Xương 1	P. Thới Long	C	2022-2024	3105/QĐ-UBND, ngày 01/6/2022	664	664	542	525	16
9	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Cái Sơn	P. Thới Long	C	2022-2024	4475/QĐ-UBND, ngày 18/8/2022	899	899	613	582	30
10	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Rạch Chanh	P. Thới Long	C	2022-2024	2775/QĐ-UBND, ngày 20/5/2022	986	986	738	720	17
11	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thới Thạnh	P. Thới Long	C	2022-2024	4391/QĐ-UBND, ngày 10/8/2022	1.064	1.064	662	624	37
12	Trường Mầm non Thới Long	P. Thới Long	C	2021-2023	10545/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.362	14.362	4.081	3.771	310
13	Trường Tiểu học Trung Vương (điểm Đĩnh)	P. Châu Văn Liêm	C	2021-2023	10546/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.432	14.432	4.664	4.257	407
14	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở công an phường Thới Hòa	P. Thới Hòa	C	2023-2025	7598/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	978	978	903	891	12